

SB.21190 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				12,5	20
SB.211	Xây tường thẳng gạch AAC (12,5x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	66	65
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,036	0,051
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,07
				91	92

SB.21210 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	20
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (15x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	55	55
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,044
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,04
				11	12

SB.21220 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				17,5	20
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	48	47
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,036	0,039
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,99	0,99
				21	22

SB.21230 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị vị	Chiều dày 20cm
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (20x20x60) cm	Vật liệu		
		Gạch	viên	42
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,036
		Nhân công 3,5/7	công	0,96
				31

SB.21240 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	25
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (25x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	34	34
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,031	0,036
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,99	0,91
				41	42

SB.21250 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	30
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (7,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	74	71
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,079
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,11
				51	52

SB.21260 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	30
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (10x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	56	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,061
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,01
				61	62

SB.21270 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				12,5	30
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (12,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	45	44
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,028	0,051
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,98	0,97
				71	72

SB.21280 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	30
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (15x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	37	37
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,031	0,044
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,92	0,92
				81	82

SB.21290 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				17,5	30
SB.212	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	32	32
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,039
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,89
				91	92

SB.21310 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	30
SB.213	Xây tường thẳng gạch AAC (20x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	28	28
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,036
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,85	0,85
				11	12

SB.21320 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				25	30
SB.213	Xây tường thẳng gạch AAC (25x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	22	22
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,031
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,75	0,75
				21	22

SB.22000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG
SB.22110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	10
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (7,5x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	197	188
		Vữa	m ³	0,172	0,220
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,53	1,51
				11	12

SB.22120 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10cm
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (10x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch	viên	148
		Vữa	m ³	0,171
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,45
				21

SB.22130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	12,5
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (12,5x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	121	118
		Vữa	m ³	0,144	0,172
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,39	1,38
				31	32

SB.22140 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	15
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (15x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	103	99
		Vữa	m ³	0,122	0,172
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,32	1,31
				41	42

SB.22150 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	17,5
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	90	85
		Vữa	m ³	0,110	0,172
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,27	1,26
				51	52

SB.22160 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25x10x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	25
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (25x10x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	64	59
		Vữa	m ³	0,085	0,172
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,12
				61	62

SB.22170 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	20
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (7,5x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	105	94
		Vữa	m ³	0,100	0,220
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,32	1,30
				71	72

SB.22180 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	20
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (10x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	80	74
		Vữa	m ³	0,100	0,171
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,22	1,21
				81	82

SB.22190 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				12,5	20
SB.221	Xây tường thẳng gạch AAC (12,5x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	63	61
		Vữa	m ³	0,100	0,144
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,12
				91	92

SB.22210 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	20
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (15x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	53	52
		Vữa	m ³	0,100	0,124
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,07
				11	12

SB.22220 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				17,5	20
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	45	45
		Vữa	m ³	0,100	0,110
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,03
				21	22

SB.22230 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20cm
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (20x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch	viên	40
		Vữa	m ³	0,100
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00
				31

SB.22240 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25x20x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	25
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (25x20x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	32	32
		Vữa	m ³	0,085	0,100
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,95	0,96
				41	42

SB.22250 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	30
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (7,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	72	62
		Vữa	m ³	0,074	0,220
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,19	1,14
				51	52

SB.22260 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	30
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (10x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	54	49
		Vữa	m ³	0,075	0,172
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,07	1,05
				61	62

SB.22270 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				12,5	30
SB.222	Xây tường thẳng AAC (12,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	43	41
		Vữa	m ³	0,075	0,144
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,01	1,02
				71	72

SB.22280 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	30
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (15x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	36	35
		Vữa	m ³	0,075	0,122
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	0,97
				81	82

SB.22290 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				17,5	30
SB.222	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	31	30
		Vữa	m ³	0,075	0,110
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,94	0,94
				91	92

SB.22310 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	30
SB.223	Xây tường thẳng gạch AAC (20x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	27	27
		Vữa	m ³	0,075	0,100
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90	0,90
				11	12

SB.22320 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25x30x60)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				25	30
SB.223	Xây tường thẳng gạch AAC (25x30x60) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	21	21
		Vữa	m ³	0,075	0,085
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,79	0,80
				21	22

SB.23000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẹ

SB.23110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP (7,5x17x39)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	17
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chùng áp (7,5x17x39) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	200	192
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,082
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,56	1,54
				11	12

SB.23120 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(10x20x39)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	20
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (10x20x39) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	128	123
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,039	0,065
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,44	1,42
				21	22

SB.23130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(15x10x30)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	15
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (15x10x30) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	218	214
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,068
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,59	1,58
				31	32

SB.23140 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(15x20x30)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	20
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (15x20x30) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	110	109
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,042	0,051
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,39	1,38
				41	42

SB.23150 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20x10,5x40)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10,5	20
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (20x10,5x40) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	118	115
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,039	0,062
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,40	1,39
				51	52

SB.23160 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20x22x40)CM BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẹ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	22
SB.231	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (20x22x40) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	57	56
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,037	0,039
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,16
				61	62

SB.24000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG

SB.24110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(7,5x17x39)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				7,5	17
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (7,5x17x39) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	187	168
		Vữa	m ³	0,109	0,231
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,57	1,58
				11	12

SB.24120 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(10x20x39)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	20
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (10x20x39) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	120	112
		Vữa	m ³	0,110	0,183
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,47	1,47
				21	22

SB.24130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(15x10x30)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10	15
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (15x10x30) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	201	192
		Vữa	m ³	0,144	0,192
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,61	1,60
				31	32

SB.24140 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(15x20x30)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				15	20
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (15x20x30) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	103	101
		Vữa	m ³	0,120	0,144
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,44	1,43
				41	42

SB.24150 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20x10,5x40)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				10,5	20
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (20x10,5x40) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	111	104
		Vữa	m ³	0,109	0,175
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,45	1,45
				51	52

SB.24160 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20x22x40)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				20	22
SB.241	Xây tường thẳng gạch bê tông bọt, khí không chung áp (20x22x40) cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	54	53
		Vữa	m ³	0,102	0,109
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,20
				61	62

SB.30000 CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÁC KẾT CẤU XÂY GẠCH KHÁC

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cạo rửa sạch lớp vữa cũ và phế thải bám trên mặt kết cấu xây (nếu có), làm ẩm kết cấu cũ, gạch xây trước khi xây, xác định tim cốt, căng dây, lấy mốc, trộn vữa, xây bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật, thu dọn khi kết thúc công việc. Vận chuyển vật liệu, dụng cụ, phế thải trong phạm vi 30m.

Ghi chú:

- Chỉ dùng gạch cũ để xây khi gạch thu hồi còn đảm bảo quy định về kỹ thuật;
- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố;
- Trường hợp cần sử dụng dàn giáo trong công tác sửa chữa thì công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo được tính riêng.

SB.31000 XÂY GẠCH ĐẤT SÉT NUNG (6,5x10,5x22)cm**SB.31100 XÂY MÓNG**

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤33	>33
SB.311	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	561	550
		Vữa	m ³	0,30	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,54	1,38
				10	20

SB.31200 XÂY TƯỜNG THĂNG

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)		
				≤11	≤33	>33
SB.312	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch	viên	656	561	550
		Vữa	m ³	0,23	0,30	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,02	1,76	1,53
				10	20	30

SB.31300 XÂY CỘT, TRỤ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây cột, trụ
SB.313	Xây cột, trụ	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch	viên	550
		Vữa	m ³	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,18
				10

SB.31400 XÂY TƯỜNG CONG NGHIÊNG VẠN VỎ ĐỒ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤33	>33
SB.314	Xây tường cong nghiêng vắn vồ đồ	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	561	550
		Vữa	m ³	0,30	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,95	2,76
				10	20

SB.31500 XÂY CỐNG

SB.31600 XÂY CÁC BỘ PHẬN, KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cống		Kết cấu phức tạp khác
				Cuốn cống	Thành vòm cống	
SB.315	Xây cống	<i>Vật liệu</i>				
SB.316	Xây các bộ phận, kết cấu phức tạp khác	Gạch	viên	561	571	584
		Vữa	m ³	0,29	0,30	0,29
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,89	4,50	3,79
				10	20	10

SB.32000 XÂY GẠCH ĐẤT NUNG (5x10x20)CM; (4,5x9x19)CM; (4x8x19)CM

SB.32110 XÂY MÓNG GẠCH (5x10x20)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 30	> 30
SB.321	Xây móng gạch (5x10x20)cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	826	796
		Vữa	m ³	0,31	0,32
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,73	1,54
				11	12

SB.32120 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (5x10x20)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)		
				≤10	≤30	>30
SB.321	Xây tường thẳng gạch (5x10x20)cm	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch	viên	847	826	798
		Vữa	m ³	0,26	0,31	0,32
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,37	1,97	1,77
				21	22	23

SB.32130 XÂY CỘT, TRỤ GẠCH (5x10x20)CM

SB.32140 XÂY CÁC BỘ PHẬN KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC GẠCH (5x10x20)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây cột, trụ	Kết cấu phức tạp
SB.321	Xây cột, trụ gạch (5x10x20)cm	<i>Vật liệu</i>			
SB.321	Xây các bộ phận, kết cấu phức tạp khác gạch (5x10x20)cm	Gạch	viên	798	836
		Vữa	m ³	0,32	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,80	4,17
				30	40

SB.32210 XÂY MÓNG GẠCH (4,5x9x19)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 30	> 30
SB.322	Xây móng gạch (4,5x9x19)cm	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch	viên	956	938
		Vữa	m ³	0,32	0,33
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,8	1,6
				11	12

SB.32220 XÂY TƯỜNG GẠCH (4,5x9x19)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)		
				≤10	≤30	>30
SB.322	Xây tường thẳng gạch (4,5x9x19)cm	<i>Vật liệu</i>				
		Gạch	viên	1009	956	939
		Vữa	m³	0,26	0,32	0,33
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,62	2,11	2,07
				21	22	23

SB.32230 XÂY CỘT, TRỤ GẠCH (4,5x9x19)CM

SB.32240 XÂY CÁC BỘ PHẬN KẾT CẤU PHỨC TẠP KHÁC GẠCH (4,5x9x19)CM

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xây cột, trụ	Kết cấu phức tạp khác
SB.322	Xây cột, trụ gạch (4,5x9x19)cm	<i>Vật liệu</i>			
SB.322	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác gạch (4,5x9x19)cm	Gạch	viên	939	956
		Vữa	m ³	0,33	0,33
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,22	4,43
				30	40